

Phẩm 27: THẬP ĐỊNH

Sớ câu: “Nghĩa là trong phần nêu rõ về phổ môn (môn biến hiện khắp) ở trước, chỗ nêu đủ về chánh vị sai biệt”: Trong đó, ý có ba đoạn:

Hội đầu, Hội thứ hai nói đối tượng được nương dựa là “Phổ môn”.

Bốn Hội tiếp theo là sự sai biệt của “Phổ môn”. Hội này tức Hội tự riêng trở về khắp.

Thứ nhất: Tức căn bản.

Thứ hai: Tức dựa nơi gốc, dấy khởi ngọn.

Thứ ba: Tức hợp ngọn, quy về gốc. Cho nên gọi là “Trùng Hội Phổ Quang”. Ý ở tại đây.

Nói: “Hai quả vị Đẳng giác, Diệu giác hoàn toàn giống với Như Lai nên Phổ Quang là nêu rõ về Trí”: Là tóm kết, xác nhận lý do của sự Hội nhập khắp về người. Do Hội này nói hai quả vị Đẳng giác Diệu giác là hoàn toàn đồng. “Phổ Quang nêu rõ về Trí” tức là nghĩa kết hợp quy về.

Hỏi: “Đẳng giác đồng với Diệu giác, nơi Lý có thể là như thế. Ngoài Diệu giác sao còn có “Phổ quang nêu rõ về Trí của Như Lai” là chỗ đồng chăng?”

Đáp: Nói Đẳng giác, Diệu giác tức là căn cứ nơi Quả vị. Còn “Phổ quang nêu rõ về Trí” thì chẳng thuộc nơi Nhân Quả, mà bao quát chung cả Nhân Quả. Là do Thánh Trí tự giác siêu vượt Nhân quả. Kinh Lăng Già bản bảy quyển, ngoài quả vị Diệu giác lại lập quả vị “Thánh trí tự giác”. Cũng giống như Phật Tánh có Nhân, có nhân của Nhân, có Quả, có quả của Quả. Dùng Nhân mà chọn lấy là Phật tánh của Nhân. Dùng Quả mà chọn lấy là Phật Tánh của Quả. Thế nhưng Phật tánh thì chẳng phải là Nhân, chẳng phải là Quả. “Phổ Quang nêu rõ về Trí” cũng lại như vậy. Thế dứt hẳn Nhân Quả, là chỗ dựa của Nhân Quả, thì quả mới là rốt ráo. Cho nên gọi là “Phổ quang nêu rõ về Trí của Như Lai”.

Sớ câu: “Hai là căn cứ theo thứ lớp”: Văn nơi bản Sớ giải gồm hai:

Một: chính thức biện minh về thứ lớp.

Hai: Từ câu: “Gọi là Quả tốt bậc” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc. Ở đây có hai vấn nạn:

Thứ nhất: Giải thích về “Trùng hội”.

Thứ hai; Thông tỏ Vấn nạn về chỗ dấu vết nối tiếp.

Nay nói về phần thứ nhất: Nghĩa là có Vấn nạn: “Nếu thứ lớp

nhằm nêu rõ về Quả vị thì vì sao lại dùng “Trùng hội” Phổ Quang”. Cho nên vì đó mà cần thông tỏ.

Hai: Từ câu: “Tức là trước dựa nơi gốc chẳng động” tiếp xuống: Là làm rõ nguyên do.

Sao cho là Quả tột bậc? Là do nơi chỗ tin ban đầu. Tin dựa nơi Trí gốc mà dấy khởi. Nay chẳng lìa Trí gốc, nên đây tức là do Nhân thành Quả, thâm tóm Quả đáp trả Nhân. Nhưng Nhân có hai thứ:

Một là, căn cứ nơi “Vốn có” (Bản hữu) với Hằng sa tánh đức, Tín, Giải, Hành, Nguyện không gì là không gồm đủ.

Hai là, căn cứ nơi sự tu tập dấy khởi, nghĩa là dựa nơi Tín đức gốc mà dấy Tín tâm. Dựa vào Giải đức gốc mà dấy “Tâm hiểu rõ”. Như Luận Khởi Tín viết: “Do biết Pháp tánh không có tham lam keo kiệt nên tùy thuận tu tập Bồ thí Ba-la-Mật”. Cho nên mỗi mỗi sự tu tập dấy khởi đều gắn liền với “Bản hữu”, cùng dẫn đến Quả. Trong đạo Vô gián, thì một lúc viên mãn tức thì. Trong đạo giải thoát thì nhân quả kết hợp thấu triệt, gọi là “Đạt Quả”. Quả cũng có hai thứ:

Một là: Bản Hữu, tức Bồ đề, Niết-bàn. Hết thấy Phật pháp có đủ Bản giác.

Hai là: Tu tập dấy khởi. Nay chứng đắc Bồ đề là chỗ ngộ của Thủy giác, nên Thủy giác đồng với Bản giác, không có sự dị biệt của Thủy , Bản, gọi là “Cửu cánh giác” tức hai Quả không ngăn ngại. Nhưng gốc của hai Nhân từ Thể của Bản giác dấy khởi, tức hai nhân cùng với Bản giác không ngăn ngại. Thủy giác đã đồng với Bản giác, tức hai Quả hoàn toàn đồng nơi hai Nhân, nên hai Nhân cùng với Quả dung hợp thấu triệt. Nhân bao quát cả biển Quả, Quả thấu suốt tận nguồn Nhân. Do đó nay có hội trùng Phổ Quang là biểu thị cho sự sâu xa huyền diệu ấy.

Hỏi: Nếu đây là dung thông thấu triệt tức là Viên dung, thì sao gọi là thứ lớp?

Đáp: Tuy gắn liền với Bản hữu để dấy khởi Nhân, mà Nhân cũng có thứ lớp, tức trước Nhân sau Quả. Đắc Quả, tuy bao quát nơi Nhân mà cũng thành thứ lớp. Cho nên đắc quả sau mới nói về chỗ dung thông trước.

Trong chỗ Viên dung ở trước, hoặc Nhân hoặc quả đều là đức sai biệt của “Phổ Quang nêu rõ về Trí”. “Thường” riêng dựa nơi “Phổ” chẳng cũng lìa nhau. Nêu bày có trước sau, nhưng thành ở một lúc, vì thế mà chẳng đồng.

Sớ từ câu: “Sau, xuất hiện Nhân quả” tiếp xuống: Là phần hai:

Thông tỏ vấn nạn về chỗ dấu vết nối tiếp.

Nghĩa là có vấn nạn: “Quả tốt bậc do nơi chỗ Tín khởi đầu. Hội trùng Phổ Quang là phần sau của Quả tốt bậc, sao có thể lại có Nhân Quả bình đẳng?” nên vì đây mà cần thông tỏ. Nêu rõ Nhân Quả ấy đều thuộc nơi Quả tốt bậc, do đó không trái với Lý.

Sớ câu: “Phẩm dùng Tam muội của Phổ Hiền, tự tại vô ngại với đại Dụng vô biên mà làm Tông - Thú”:

Chẳng giống với văn ở trước, nói về Tông, Thú. Nêu riêng có hai nghĩa:

Một là: So sánh với trước: Khiến đối tượng chứng nhập là Thú (chỗ hướng tới).

Hai là: Khiến các Bồ-tát cũng đạt được Tự tại Vô ngại với đại dụng vô biên, mà làm chỗ hướng tới (Thú). Tức ở đây văn vừa bản Sớ giải chung cả Tông, Thú.

Sớ từ câu: “Tiếp theo là chính thức giải thích văn” tiếp xuống: Văn phân làm hai:

Một: Nhận định chung về Nhân quả.

Hai: Hiện bày riêng về môn Nhân.

Trong phần Một gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Chính thức phân định.

Thứ hai: Từ câu: Nhưng Nhân ở sáu phẩm” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc do vấn nạn.

Sớ từ câu: “Nay thứ nhất, nhân này tức là” tiếp xuống: Là phần hai, hiện bày riêng về môn nhân. Chính là giải thích sáu Phẩm.

Văn nơi bản Sớ giải phân làm ba:

Một: Làm rõ tổng quát về ý nghĩa chính.

Hai: Dẫn Giáo để thành lập.

Ba: Quyết đoán về có, không.

Nay nói về phần một: Do các bậc cổ đức không lập Đẳng Giác, nên xét, định rõ là có.

Sớ từ câu: “Là do các Giáo” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn Giáo để thành lập. Tuy có chia, hợp, nhưng ý của Sớ là nghiêng về chia. Cho nên phần sau tóm kết viết: “Có Đẳng giác là rõ ràng”.

Nên dẫn hai kinh, một Luận, văn có hai đoạn: Hai kinh thì một chia, một hợp. một Luận thì có đủ cả chia, hợp.

“Nói sáu thứ Tánh cùng sáu Kiên, sáu Nhẫn v.v...”: Tức kinh kia (Kinh Nhân Vương) là Phẩm thứ nhất, tương đương với Phẩm thứ ba: Hiền Thánh Giác Quán. Kinh viết: “Phật tử ! sáu thứ Tánh, là công đức

trang nghiêm bằng Anh lạc của tất cả Bồ-tát, là hai thứ Pháp thân của Bồ-tát, là trăm vạn A-tăng-kỳ hạnh công đức Anh lạc hiện có của Bồ-tát. Nếu tất cả Bồ-tát chẳng hội nhập nơi môn công đức Anh lạc mà có thể nhập vào chánh vị là điều không hề có. Phật tử ! Sáu thứ Tánh, đó là:

*Tập chủng tánh.
Tánh chủng tánh.
Đạo chủng tánh.
Thánh chủng tánh.
Đẳng giác tánh.
Diệu giác tánh.”*

Giải thích:

*Tập chủng Tánh tức là mười Tru.
Tánh chủng Tánh tức là thập Hạnh.
Đạo chủng Tánh tức là thập Hồi Hướng.
Thánh chủng Tánh tức là thập Địa*

Hai thứ năm, sáu (Đẳng giác Tánh, Diệu giác Tánh) có thể nhận biết.

Lại gọi là “Sáu Kiên” tức: Tín kiên, Pháp kiên, Tu kiên, Đức kiên, Đảnh kiên, Giác kiên. “Đảnh kiên” tức là Đẳng giác. “Giác kiên” tức là Diệu giác.

Nói “Sáu Nhẫn” kinh viết: “Lại gọi là sáu Nhẫn, là Tín nhẫn, Pháp nhẫn, tu nhẫn, Chánh nhẫn, Vô cấu nhẫn, Nhứt thiết Trí nhẫn”. Mà nói “vân vân” là chỉ cho sáu Tuệ, sáu Quán. Kinh viết: “Lại có sáu Tuệ là: Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ, Vô tướng Tuệ, Chiếu tịch Tuệ, Tịch chiếu Tuệ”. Kinh nêu: “Lại nữa, sáu Quán: Trụ Quán, Hành Quán, Hương Quán, địa Quán, Vô tướng Quán, Nhất Thiết Chủng Trí Quán”. Cũng có cùng nhân đấy mà nói về sáu định nhưng văn nơi kinh Anh Lạc không có.

Nói sáu định là: Tập định, Tướng định, Tánh định, Đạo Tuệ định, Đạo chủng Tuệ định, và Đại giác Chánh quán Tuệ định. Năm thứ sáu này (sáu Kiên, sáu Nhẫn, sáu tuệ, sáu Quán, sáu định) đều cho loại thứ năm tức là Đẳng giác nêu rõ ràng là có.

Sớ câu: “Luận lại có văn cũng lập đẳng giác”: Tức luận, quyển thứ năm mươi, nêu rõ về một trăm bốn mươi pháp Bất cộng của Phật, trong phần căn cứ nơi bậc của Nhân Quả để biện minh về chỗ sai khác, nói: “Như khi Bồ-tát an toạ nơi toà Bồ đề trụ nơi Thân sau cùng, đối với đạo Bồ-tát, hành trang của sự giác ngộ đã khéo viên mãn tột cùng, Bấy

giờ tự tu tập ba mươi bảy phần pháp Bồ đề, đạt được một Sát na, gọi là Tam ma địa Trí không chướng ngại, là Bồ-tát ấy học đạo đã thâm tóm được định Kim Cang dụ”. Phần Sơ giải kia viết: “Ở đây nêu rõ về Nhân viên mãn nơi quả vị sau cùng trong quả vị của Bồ-tát. Quả vị này cũng gọi là Bồ-tát Đẳng giác. Luận “Từ đây không gián đoạn đến sát na thứ hai chứng đắc tức thì các pháp Bất cộng khác của Phật, tức phần đầu là mười chín Lực của Như Lai, phần sau là Nhất Thiết chủng diệu Trí đều thanh tịnh hết mực nên thấy được vô thượng”.

Phần Sơ ấy giải thích: “Đây là làm sáng rõ chỗ chứng đắc Quả”.

Giải thích: Dựa theo văn của Luận này thì ở sau thập Địa đấy khởi định Kim Cang dụ, trong một sát na gọi là Đẳng giác, sát na thứ hai là Diệu giác. Cho nên nói tám nghĩa cùng với Phật chẳng đồng.

Luận nêu câu hỏi: Tất cả đều an trú đạt đến địa cứu cánh, trí v.v... của Bồ-tát, trí v.v... của Như Lai, Luận nói: Như người mắt sáng cách lớp màng mỏng thấy các sắc tướng. Tất cả an trú đạt đến địa cứu cánh, trí diệu của Bồ-tát đối với tất cả cảnh nên biết cũng vậy. 1) Như người mắt sáng, không hề chướng ngại nhìn thấy sắc tướng. Trí diệu của Như Lai ở tất cả pháp cũng vậy. 2) Như vẽ lên vải đủ thứ màu sắc, chỉ màu sắc đẹp nhất cuối cùng chưa hoàn thành xong v.v... Như vẽ lên vải đủ thứ màu sắc, mà màu sắc đẹp nhất cuối cùng đã hoàn thành đó là dụ về Như Lai. 3) Như người mắt sáng trong chỗ tối nhỏ nhiệm đều thấy mọi sắc. Như người Ánh sáng lia mọi bóng tối thấy các màu sắc. 4) Như người xa nhìn thấy sắc, như người gần nhìn thấy sắc. 5) Như mắt có màng mỏng che vẫn nhìn thấy sắc, như người mắt thật trong sạch mới nhìn thấy sắc. 6) Như thấy trong thai... Như thân xuất thai. 7) Như tâm hành trong mộng của A-la-hán. Như tâm sau khi thức của A-la-hán. 8) Như thể của trí ám tối. Như thể của trí sáng.

Phần Sơ kia giải thích: Năm dụ đầu là căn cứ nơi Dụng của hai Trí để biện minh về chỗ sai biệt. Một dụ thứ tám là dựa theo Thể của hai Trí để nêu rõ chỗ sai biệt. Hai dụ sáu, bảy như thứ lớp là Thân, Tâm để biện biệt về chỗ sai khác...”

Lại nữa, Luận Du Già, nơi địa Bồ-tát lại có một văn.

Nói: “Vô lậu kém”: Tức nơi Luận duy thức, quyển mười, trong phần giải thích về Chuyển y gọi là đối tượng được trừ bỏ. Nghĩa là chủng Vô lậu yếu kém, tức những hiện hành được sinh trong địa thứ mười là, nơi Kim Cang đạo mới có thể dứt bỏ.

Nói: “Chưa xả bỏ về Bạch tịnh Vô ký”: Tức là Thức Dị thực, nơi địa thứ tám xả bỏ tên gọi A lại da, trong địa thứ mười cũng còn gọi là

Thức Dị thực, đến quả vị Như lai mới bỏ Dị thực gọi là Thức Vô Cấu.

Ba là do chưa xả bỏ pháp thiện Hữu lậu” tức cùng kết hợp với chủng tử của hai chương. Chủng tử của hai chương ấy là đối tượng đoạn trừ, dứt bỏ.

Sớ từ câu: “Kinh hiện tại nhằm hiển bày chỗ chia hợp không ngăn ngại” tiếp xuống: Là phần ba, quyết đoán về có không.

Nói: “Cho nên giữ lại nghĩa kia”: Tức sáu pháp kiên cố đã có văn có nghĩa định rõ. Phần Tam muội thứ mười tiếp sau nói rộng về Tướng của Đẳng giác, viết: “Bồ-tát này, trụ nơi Tam muội ấy, đạt được mười thứ Pháp đồng với tất cả chư Phật trong ba đời. Những gì là mười pháp? Đó là đạt được các Tướng tốt giống với chư Phật v.v...”.

Bồ-tát Phổ Nhân hỏi: “Nếu Bồ-tát ấy đạt được pháp của Như Lai giống với pháp của các Như Lai thì vì sao không gọi là Phật? Vì sao không gọi là mười Lực, không gọi là Nhất Thiết Trí v.v...?” cũng có mười câu. Bồ-tát Phổ Hiền đáp lại đầy đủ: “Phật tử ! Đại Bồ-tát này đã có thể tu tập vô số Hạnh nguyện của tất cả Bồ-tát trong ba đời, hội nhập cảnh giới của Trí, gọi là Phật. Ở nơi chỗ tu tập của Như Lai, Bồ-tát tu hành không dừng nghỉ thời gọi là Bồ-tát. Các lực của Như Lai thấy đều hội nhập tức gọi là mười Lực. Tuy đã thành tựu mười lực mà hành Hạnh Phổ Hiền không dừng nghỉ thì gọi là Bồ-tát. Nhận biết về tất cả pháp mà có thể giảng nói, gọi là Nhất Thiết Trí. Tuy có thể diễn nói hết thấy các pháp, mà ở nơi mỗi mỗi pháp luôn tư duy khéo léo, chưa từng dừng nghỉ thì gọi là Bồ-tát. Nhận biết tất cả pháp không có hai tướng, gọi là ngộ tất cả pháp. Ở nơi đạo sai biệt của pháp hai mà không hai, khéo léo quán sát lần hồi chuyển tăng không dừng nghỉ, gọi là Bồ-tát v.v...”

Phần sau nêu dẫn trường hợp Tượng vương Y La Bát Na. Ví cúng dường Trời Đế Thích, nên hóa thân lên Trời. Hoặc bỏ thân voi, tạo thành thân Trời, không thể phân biệt là thân voi thân trời lại tương tự cùng nhau. Như thế thì ở đây, nghĩa về đẳng giác há chẳng hiện rõ? Lại còn các văn khác nữa e quá nhiều nên không dẫn.

Sớ câu: “Hai mươi một thứ công đức”: Nên xem lại nơi Phẩm “Lên cõi trời Đâu Suất”, tự sẽ hiểu rõ.

Nhưng đoạn văn này cũng là chỗ chẳng thể nhận biết của bậc cổ đức.

Nay dùng chỗ thâm tóm công đức của Phật để giải thích. Có như thế thì mới phù hợp với hàng trí giả đang tìm hiểu.

Sớ câu: “Sở dĩ trong đó gọi riêng là nhập nơi sát na tế”: Văn có

ba phần:

Một: Trưng dẫn tổng quát về ý nêu bày. Trước sau tán thán về đức đều không có phần này.

Hai: Từ câu: “Vì nhằm hiển bày” tiếp xuống: Là chính thức đáp lại chỗ vấn nạn.

Ba: Từ câu: “Tận cùng của địa Bồ-tát” tiếp xuống: Là giải thích về “Sát na tế”. Có hai giải thích. Nay nói về cách thứ nhất, là dùng Kinh Bản Nghiệp và luận Khởi Tín cùng tham khảo mà giải thích.

“Tận cùng của địa Bồ-tát” là văn của Luận Khởi Tín, nghĩa chung cả hai nơi.

Nói: “Chỉ có Quả liên hệ với Vô thường”: Tức nơi Kinh Bản Nghiệp, quyển hạ. Kinh viết: “Bấy giờ Bồ-tát an trụ trong chốn tịch tĩnh lớn, lên đài núi lớn, nhập trăm ngàn pháp Tam muội, chứng đắc nghi dụng của Phật, chỉ có Quả liên hệ với Vô thường, sinh diệt hai Tâm. Tâm Tâm hành vô vi vượt qua mười đại, chỗ lãnh hội cùng đồng với Phật, an toạ nơi chỗ ngồi của Phật v.v...”.

Giải thích: “Quả liên hệ với Vô thường, sinh diệt” là chưa đạt quả vị chuyển y, còn là Biến dịch sinh tử, nên gọi là quả liên hệ Thế là vô thường, có sinh diệt.

Nói: “Tướng sinh chưa tịch tĩnh”: Tức là ý của Luận Khởi Tín nói Tướng của nghiệp chưa mất.

“Cũng gọi là Thức Tạng”: Cũng là ý của Luận Khởi Tín, nói chưa hiển hiện Pháp thân, nên ở trên biện minh về Đẳng giác hãy còn có Sát na chưa đến hẳn nơi biên vực tận cùng.

Từ câu: “Như do Vô gián” tiếp xuống: Là giải thích, xác nhận về nghĩa “Tế”. Nơi chốn tận cùng của Sát na gọi là “Tế”. Cho nên viết: “Tức không sát na”. Cũng là văn của Luận Khởi Tín, trước đã dùng nêu dẫn.

Từ câu: “Nếu nhập nơi Tế ấy” tiếp xuống: Là giải thích pháp Tam muội của chư Phật. Cũng là văn của Luận Khởi Tín. Cho nên có câu hỏi: “Trên nói tận cùng của địa Bồ-tát là Đẳng giác”, sao gọi là pháp Tam muội của chư Phật? Do đó nêu dẫn phần văn này để xác nhận về nghĩa của chư Phật.

Số từ câu: “Cũng hiển bày về sự sai biệt trước nay” tiếp xuống: Là nghĩa thứ hai. Trên là căn cứ theo chỗ hợp trước sau không giới hạn. Nay thì nêu rõ phần sau không lìa phần trước, là Bản tế của sinh tử tột cùng.

Thứ tư là phần gốc: “Mười câu đầu nêu rõ quả vị Phật là trên

hết”: Tức cũng hiển bày về nghĩa của Đẳng giác.

Nhưng phần đầu cuối của một phẩm, so sánh về nghĩa của Phật là nhiều. Định thứ nhất văn dễ hiểu nên có thể nhận biết. Định thứ hai nêu rõ chỗ hiển bày lần nữa về dụ Vô tận.

“Thân cõi như lưới báu Đế Thích của Bồ-tát”: Tức theo đây bậc cổ đức đã lập nghĩa “Lưới báu của đế Thích”. Kinh có tên gọi “Lưới báu của Đế Thích” mà không có chỗ nêu giảng rộng, do xưa chưa có văn của Kinh thuộc phẩm này. Cho nên một đoạn văn này thực sự có thể chứng minh.

Sớ câu: “Ở nơi các thế giới” tiếp xuống: Là giải thích về lý do kia”: Tức giải thích về lý do chẳng trụ, chẳng hoại ở trên. Câu này là nêu lên.

Từ câu: “Do định không phân biệt mà chẳng huỷ hoại Tướng” tiếp xuống: Là chính thức giải thích về lý do.

Trước hết là Giải thích hai đối nơi văn của Kinh. Đối trước là căn cứ nơi Định. Đối sau thì căn cứ nơi Tuệ. Trong Định Tuệ đều là Quyền Thật không ngăn ngại, mà động tĩnh tương tức.

Câu trên giải thích “Ở nơi các thế giới không có chỗ phân biệt, cũng không huỷ hoại đối với tướng của thế giới.

Câu tiếp theo là nói về một Tuệ quán một tướng nhưng chẳng huỷ hoại các tướng. Tức giải thích về phần Kinh; “Quán tất cả các pháp là một Tướng, Vô tướng, cũng không huỷ hoại tự tánh của các pháp”.

Sớ từ câu: “Đã cho sự lý cùng giao tiếp” tiếp xuống : Là tóm kết, xác nhận chỗ giải thích về Định không phân biệt ở trên. Tuệ quán về một Tướng nên chẳng trụ. Định chẳng huỷ hoại tướng. Tuệ chẳng huỷ hoại các thứ nên không huỷ hoại. Lại, trong hai câu, chẳng hoại tức chẳng huỷ hoại tướng. Trong hai câu không phân biệt, quán một Tướng tức chẳng huỷ hoại Tánh. Trong hai câu chẳng huỷ hoại các Tướng nên không trụ nơi Lý. Trong hai câu không phân biệt, quán một Tướng nên không trụ nơi Sự. Do Sự Lý cùng giao tiếp nên đạt được chẳng trụ, chẳng hoại.

Sớ từ câu: “Như chẳng hoại, chẳng trụ” tiếp xuống: Là giải thích phần Kinh: “Trụ nơi Chân như, tánh luôn chẳng lìa bỏ”. Chẳng hoại Tánh Tướng nên trụ nơi Chân như, do Chân như tức Sự mà Chân. Do chỗ không trụ nên trụ nơi Chân như, vì gốc của các pháp là Vô trụ. Nếu Tâm có Trụ tức chẳng phải là Trụ . Kinh Đại Phẩm viết: “Nếu trụ nơi tất cả pháp là chẳng trụ nơi Bát-nhã Ba-la-mật”.

Lại viết: “Nếu trụ nơi tất cả pháp tức chẳng trụ nơi tất cả pháp”.

Nếu chẳng trụ nơi tất cả pháp tức trụ nơi tất cả pháp”. Cho nên phần Kinh trên viết:

*Tất cả pháp không trụ
Xử định chẳng thể đạt
Chư Phật trụ nơi ấy
Rốt ráo chẳng lay động.*

Thiện tri thức gọi “Trụ của Vô Trụ” tức là trụ nơi Chân như”. Chính là ý ấy.

Số từ câu: “Đã cho tức Sự là chẳng lia bỏ” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận trong dụ hiện bày lần nữa nghĩa Vô tận. Nghĩa là, do Trụ tức Sự nơi Chân như, chân như dung hợp nơi Sự. Sự nên như Lý. Lý đã không nơi nào là không hiện hữu. Thân tức Lý nên cũng không chốn nào mà chẳng hiện khắp, Chân như không chỗ nào mà chẳng bao hàm, do đó Thân của Như cũng bao hàm hết thảy. Vì thế nói: “Như không đâu là không tồn tại”. Cho nên đồng với Chân như, trong ngoài cùng hội nhập.

Số câu: “Do được Trí huyễn nên đồng nơi Phật”: Văn nơi Kinh gồm ba:

Một: Nêu rõ việc đạt được Trí.

Hai: Từ câu: “Như các thứ” tiếp xuống: Là nêu lên đối tượng được đồng.

Ba: Từ câu: “Bồ-tát” tiếp xuống: Là biện minh về chủ thể đồng.

Phần thứ nhất có mười câu:

Một là: Đạt được tổng quát về chỗ khó nghĩa bàn.

Hai là: Đạt đến bờ cứu cánh.

Ba là: Thấy như cõi Huyền.

Bốn là: Dùng Trí của như huyễn để nhận biết như thế nên cùng có thể hội nhập nơi Thế huyễn.

Năm là: Dùng số huyễn nêu trên để tư duy về các pháp huyễn.

Sáu là: Chẳng trái với số huyễn tức chẳng ngăn ngại với Huyền còn.

Bảy là: Tận cùng nơi Trí huyễn tức chẳng ngăn ngại Huyền mất.

Tám là: Còn mất không ngăn ngại nên soi thấu ba đời, đều không khác huyễn.

Chín là: Đạt được quyết định ấy tức tận cùng theo chiều rộng nơi biên vực của Huyền.

(Thiếu câu thứ mười).

Định thứ năm: “Ca La la”: Đây gọi là “Bạc lạc”. Phạn ngữ gọi

theo đời Đường đều là nghĩa xưa. Cách phiên âm mới gọi là “Yết Thích Lam”, Trung Hoa gọi là “Tập uest”.

Định thứ tám: câu: “Là bất định của Bồ-tát thường nhập thường khởi”: Là tóm kết, xác nhận về chỗ khó nghĩ bàn. Như dùng môn định để Quán tức thường nhập định. Do dùng môn Quán nên thường xuất định.

Thật sự Động, Tịch thấy đều cùng hợp. Cho nên thường cùng nhập, xuất.

Nhưng Động Tĩnh chỉ là vật. Căn cứ nơi Thế thì động tĩnh tột cùng đều mất, nên thường không có nhập xuất. Lại, Nhập tức là khởi nên không. Khởi tức là nhập nên không khởi. Như thế vì sao Kinh nói: “Nhập khởi thô tế v.v...”. Do đó, phần tiếp sau giải thích viết: “Là hiển bày chỗ tự tại”. Dựa vào các cảnh giới liên hệ mà nêu rõ. Như nói: “Một nhập nhiều khởi” tức gọi là tự tại. Nếu nói; “Không nhập không khởi”, sao gọi là Tự tại? “Luôn nhập luôn khởi”, tướng của Tự tại cũng thế. Dẫn rộng như nơi Phẩm Hiền Thủ đã biện giải.

Sớ câu: “Nếu căn cứ nơi Lý Sự cùng đối chiếu, thì không sai biệt là vi tế”: Do chỗ nêu lên gọi là dụ về Thô, Tế, Đại Tiểu hai đối và trong chỗ hợp của kinh nói: “Trong không sai biệt thì nhập định, trong pháp sai biệt thì khởi”. Cho nên vì đây mà giải thích. Gồm hai:

Một: Giải thích về Thô, Tế.

Hai: Giải thích về Đại, Tiểu.

Nơi phần một có hai ý: Nghĩa dùng tuy khác, nhưng Thô Tế thì đồng. Trước tức Lý tế, Sự thô. Sau tức Chung thô, Riêng tế. Riêng nên ở trong mỗi mỗi Sự mà hội nhập Lý, thì đối sau chỉ căn cứ nơi Lý mà nói.

Sớ từ câu: “Không sai biệt tức Đại bao trùm pháp giới” tiếp xuống: Là giải thích một đối Đại Tiểu ở trên. Đây cũng có hai ý:

Một: Sự, Lý đối chiếu để nêu rõ về Đại, Tiểu.

Hai: Từ Câu: “Nếu chỉ căn cứ nơi Sự” tiếp xuống; Là chỉ dựa theo Sự để biện minh về đại, Tiểu. Có thể nhận biết.

Định thứ chín: câu: “Ở trong lỗ chân lông nhập các định về Nhãn v.v... hiển bày tự tại hổ dụng”: “Nhưng theo cách thường, nói về việc xử dụng lẫn cho nhau nghĩa là Nhãn xứ có thể tạo tác các Sự của Nhĩ xứ. Nhĩ xứ có thể tạo tác các Sự của Nhãn, Tỷ v.v... do đó sáu căn “Hổ dụng” (Hổ tương sử dụng).

Nay căn cứ nơi mười tám giới để biện minh, tức có chỗ hổ tương của số trùng.

Một: Các căn hỗ tương.

Hai: Một phần và toàn bộ hỗ tương. Trong lỗ chân lông nơi Thân căn hỗ tương nên có thể nhập các định về Nhãn v.v...

Ba: Một, nhiều hỗ tương. Nghĩa là một căn tức thì tạo tác sự việc của nhiều căn.

Bốn: Căn, Cảnh hỗ tương. Tức căn nhập định nơi cảnh, như nơi Phẩm Hiền Thủ đã nêu. Do đấy nói: “Pháp giới ắt bao quát cả mười tám giới”.

Năm: Lại có một Căn nhập nhiều Cảnh, một Cảnh nhập nhiều Căn.

Sáu: Lại có việc dùng sáu Thức đối Cảnh để nêu rõ chỗ cùng nhập v.v...

Định thứ mười: Hai Trí chung nơi quyền thật: Đây có mười một câu, song chỉ bốn câu hai, ba, bốn, bảy là có giải thích, nên viết: “Bảy câu còn lại có thể nhận biết”.

Số câu: “Ba câu đầu là Quán khởi đầu”: Do giác ngộ chỗ vi diệu đều viên mãn là Phật. Nay dựa theo Đẳng giác nên gọi là thuận Quán. Căn cứ nơi Quán, theo chỗ thuận hợp, nên gọi là Bồ-tát. Dựa vào ba câu để nhận thấy tức gọi là Phật. Đều là nghĩa của Đẳng giác.

Số câu: “Tức ở nơi đối tượng được nhận biết toàn bộ không chướng ngại đối với công đức chuyển biến”: Tức chỗ lập danh nơi Nhiếp Luận của Bồ-tát Vô Trước.

Từ câu: “Nhưng có hai nghĩa” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa thứ nhất. Tức Bồ-tát Vô tánh giải thích nghĩa nơi Nhiếp Luận.

Ý sau chính là chỗ giải thích của Thân Quang trong Luận Phật Địa. Phần Sơ giải ở đây thuận theo Kinh chỉ dùng chỗ giải thích của Thân Quang để dung hợp văn.

Số Câu: “Vượt quá thập Địa trước nên gọi là tận cùng biên vực của mười phương”: Hoa của thập Địa cho là dung lượng ngang với trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới. Nay tận cùng nơi mười phương nên biết là vượt hơn. Hoa sen của thập Địa và mười tín ở trên cũng không nói về số lượng cánh hoa. Nay cánh hoa đều cùng chẳng thể nêu bày, nên biết rõ là y báo của bậc Đẳng giác.

Số Từ câu: “Tức là Chân như này” tiếp xuống: Là giải thích văn. Trước hết là giải thích về “Vô biên”. Kinh viết: “Vô tướng, là không có tướng Có, Không v.v...” tức là nghĩa không có nhị biên về Có, Không.

Nói: “Chẳng thể thuyết pháp tức chân như ly ngôn”: Chân như có hai : Một là “Chân như an lập”, nghĩa là chân thật như thường, nhờ

vào ngôn từ mà hiển bày. Hai là chân như ly ngôn. Luận Khởi Tín viết: “Tâm chân như, tức là Thể của Pháp môn Tổng tướng lớn nơi toàn bộ Pháp giới. Đó là Tánh của Tâm chẳng sinh chẳng diệt. Tất cả các pháp chỉ dựa nơi vọng niệm mà có sai biệt. Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của cảnh giới sai biệt. Do vậy, hết thấy ngôn thuyết đều là giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm, không thể đạt được.

Gọi là Chân như, cũng không có tướng, nghĩa là chỗ tột cùng của ngôn thuyết là nhân nơi ngôn từ mà loại bỏ ngôn từ. Còn Thể của Chân như ấy thì không có gì có thể khiến loại bỏ, do hết thấy các pháp thấy đều đồng với Như. Cho nên biết, tất cả các pháp chẳng thể nêu bày, chẳng thể suy niệm, vì vậy gọi là Chân như”.

Giải thích: Đây tức là ý của “Chân như ly ngôn”.

Phần tiếp theo, văn của Luận viết: “Lại nữa! Chân như dựa nơi ngôn thuyết phân biệt tức có hai nghĩa. Những gì là hai? Một là “Như thật không”, do có thể hiển bày sự thật một cách rõ ràng. Hai là “Như thật chẳng không” do có Tự thể chân thật gồm đủ tánh công đức vô lậu”.

Giải thích: Ở trên tức là Chân như dựa trên ngôn từ.

Kinh Pháp Hoa nói: “Biết pháp thường không Tánh”. Nghĩa này trong phần Huyền đàm đã dẫn, nay là nghĩa được dẫn. Văn đầy đủ là:

*“Chư Phật, Lương túc tôn
Biết pháp luôn Vô tánh
Phật chủng từ duyên sinh
Do đó nói một Thừa”.*

Câu: “Không đến không đi” là hiển bày lần nữa về Chân như, tức là Trung đạo”. Trung đạo nên chẳng phải là duy nhất, chẳng phải là có, chẳng phải là không, chẳng phải là đoạn, chẳng phải là thường v.v... đều là nghĩa Trung đạo.

Xuống: Là giải thích phần Kinh: “Môn Thế giới có Thể tánh, không Thể tánh”. Văn có ba giải thích:

Một: Cùng căn cứ nơi Lý, Sự để biện minh: Nghĩa là duyên sinh nên Có, Vô tánh nên Không, tức một nghĩa của Tông Pháp tánh, cũng là nghĩa của Tông Vô Tướng.

Hai: Cho rằng: “Lại, cõi Pháp tánh nên Thể có”: Tức cũng căn cứ nơi Tánh Tướng mà bao hàm nghĩa của hai Tông. Như dựa theo Tông Pháp tánh để giải thích, thì trên Tánh là dùng nghĩa Không, trên Tướng là dùng nghĩa Có. Nay trên Tánh dùng nghĩa Có, trên Tướng dùng nghĩa Không. Tức là duyên sinh nên là nghĩa Không.

Ba: Nếu hợp cả hai Tông để giải thích, thì Thể có quả Pháp tánh là nghĩa của Tông Pháp tướng. Thể không của cõi sự nghĩa của Tông Pháp tánh.

Nhưng có thể thông hợp nên nay dùng chung cả ba.

Từ câu: “Lại, cõi Tịnh thuận theo Lý” tiếp xuống: Tức chính là dựa theo cõi Tướng để biện minh về nghĩa có Thể tánh, không Thể tánh. Tịnh thuận nơi Lý là Tịnh của Sự. Thuận theo cõi Pháp tánh ở trên. Cõi nhiệm do vọng thành tức là nghĩa theo duyên nên Vô tánh.

Lại nữa, nghĩa thứ hai cũng thuận theo Kinh Anh Lạc, Nhân Vương. Ba Hiền mười Thánh Trụ nơi quả báo, chỉ có mỗi Phật là ở nơi cõi Tịnh. ba Hiền mười Thánh thì Hành trong Nhẫn, chỉ có mỗi Phật là đạt tới tận cùng nơi nguồn ngọn.

“Cũng thuận theo Niết-bàn không”, “Chỗ gọi là Tử chẳng không” sinh tức là đại Niết-bàn. Các nghĩa còn lại như trước sau đã nêu. Ở trong một phẩm ấy lại có văn nghĩa, các phần trước sau đều đã có nên không theo đây để chỉ rõ.

Sớ câu: “Gần tức tóm kết ngược về văn ở trên nói về tiến đức”: Tức phần kinh ở trước, từ câu: “Ở nơi các pháp, Trí chỉ nên an trụ” tiếp xuống: Là văn nói về “Tiến đức”. Nay có mười một câu với chữ Như thị. Một câu đầu và một câu sau tức là ý chung. Câu đầu nêu rõ phần trước đều là Hạnh Phổ Hiền. Câu cuối biện minh phần trước đều là thâm nhận giáo hóa chúng sinh. Chín câu ở giữa thâm tóm phần “Tiến đức” nêu trước tức là chín đoạn:

Một: Như thế là cảnh giới của Bồ-tát viên mãn. Tức phần Kinh ở trước nói: “Cho nên vì đây mà thỉnh vấn pháp của Phật, Như Lai” tiếp xuống gồm ba câu. Do trong ba câu, thì một câu đầu là trên cầu đạt pháp của Phật đạo, hai câu sau là hóa độ chúng sinh, đều là cảnh giới của Bồ-tát.

Hai: Như thế là thông đạt con đường xuất ly. Tức ở trước nói: “Cho nên quán các pháp, hết thấy đều như Huyền” tiếp xuống gồm ba câu. Như huyền, như âm thanh đều không có Thể tánh, là pháp xuất ly.

Ba: Như thế là thọ trì pháp của tất cả Phật trong ba đời. Tức ở trước nói: “Cho nên biết về nguyện lực của chư Phật” tiếp xuống gồm ba câu.

Bốn; Như thế là môn quán sát Nhất Thiết Trí. Tức ở trước nói: “Cho nên thường an trụ nơi pháp giới bình đẳng” tiếp xuống: gồm ba câu.

Năm: Như thế là tư duy về pháp chẳng biến đổi. Tức ở trước nói:

“Cho nên chẳng phân biệt về Phật” tiếp xuống gồm hai câu.

Sáu: Như thế là sáng tỏ , trong lành, chí an lạc tăng thượng. Tức ở trước nêu: “Phải nên hiểu rõ về chỗ tạo tác của thế gian” tiếp xuống gồm tám câu. tám câu đều nói về chí an lạc tăng thượng.

Bảy: Như thế là tin hiểu về tất cả Như Lai. Tức ở trước nêu: “Ở nơi tất cả Phật đề phát sinh sự tin hiểu sâu xa” tiếp xuống gồm ba câu.

Tám: Như thế là thấu rõ về diệu lực rộng lớn của Phật. Tức phần trước nói: “Ở trong cảnh giới rộng lớn, cứu giúp đưa chúng sinh ra khỏi” tiếp xuống, cho đến thành tựu các độ, gồm bốn câu.

Chín: Như thế là Tâm quyết định không hề ngăn ngại. Tức phần trước nói; “Chỗ gọi là gần gũi bậc Nhất thiết trí”. Tiếp xuống gồm bốn câu .

Câu sau cùng như thế là tổng kết về việc thâm nhiếp, hóa độ chúng sinh như ở trước đã giải thích.

Đối chiếu với các đoạn ở trước để chọn lấy chỗ giống nhau.

